



Công Ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây  
(VDT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2016/VDT-TCKT

V/v: Công bố báo cáo kiểm toán năm 2015

TP.HCM, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty : Công Ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây (VDT)
2. Mã chứng khoán: VDT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 117 Âu Cơ P.Phú Trung Q.Tân Phú TP.HCM, Việt Nam.
4. Điện thoại : 0839746171, 22134252 Fax : 0839746171
5. Người thực hiện công bố thông tin: LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG  
Địa chỉ : 136/63 Trần Văn Quang P.10 Q.Tân Bình TP.HCM.  
Điện thoại di động: 0903360536 Fax: 0839746171
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố:  
Báo cáo kiểm toán năm 2015 của CTCP Lưới Thép Bình Tây (VDT)
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ Báo cáo kiểm toán năm 2015:  
[www.luoithepbinhtay.com.vn](http://www.luoithepbinhtay.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 25 tháng 02 năm 2016

**Người thực hiện công bố thông tin**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu P.TCKT



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-32
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-32

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 12 ngày 06 tháng 09 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04/04/2015
Ông Phan Văn Trúc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04/04/2015
Ông Bùi Hắc Hải	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trung Nghị	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04/04/2015
Ông Võ Quốc Ngữ	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 04/04/2015
Ông Nguyễn Hồng Lương	Ủy viên	
Ông Lê Hải Tú	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hải Tú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Học	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hắc Hải	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Võ Thị Lộc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/04/2015
Bà Đỗ Thị Long Châu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 04/04/2015
Bà Nguyễn Thị Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/04/2015
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/04/2015
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Hải Tú  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016



Số: 16 /2016/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 01 tháng 02 năm 2016, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Bùi Văn Tuấn**  
Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0522-13-002-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

**Lâm Anh Tuấn**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1859-2013-002-1

105-0  
NHÀ  
CÔNG TY T  
KIỂM  
AAS  
TP.H

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>18.024.287.615</b>	<b>20.207.632.794</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.589.160.622</b>	<b>8.282.932.080</b>
111	1. Tiền		2.589.160.622	3.282.932.080
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.153.584.233</b>	<b>3.136.696.332</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.601.109.323	3.360.042.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		469.413.630	35.750.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	461.041.738	208.597.169
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6	(377.980.458)	(467.693.740)
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>12.533.438.802</b>	<b>8.631.838.167</b>
141	1. Hàng tồn kho		12.533.438.802	8.631.838.167
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>748.103.958</b>	<b>156.166.215</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		87.410.471	46.108.943
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	660.693.487	110.057.272
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>20.542.987.033</b>	<b>22.442.889.111</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>100.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	100.000.000	25.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>20.078.449.363</b>	<b>22.019.708.606</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	20.078.449.363	22.019.708.606
222	- Nguyên giá		47.823.737.111	47.823.737.111
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.745.287.748)	(25.804.028.505)
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>364.537.670</b>	<b>398.180.505</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	364.537.670	398.180.505
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>38.567.274.648</b>	<b>42.650.521.905</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.518.875.820</b>	<b>13.962.086.686</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.454.875.820</b>	<b>13.898.086.686</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	747.195.497	5.178.708.373
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		177.502.257	237.997.806
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	65.784.431	5.215.710.346
314	4. Phải trả người lao động		1.986.601.086	1.865.361.664
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	60.718.796	55.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	300.000.000	240.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.221.469.530	940.345.955
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	4.657.162.979	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		238.441.244	164.962.542
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>64.000.000</b>	<b>64.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	64.000.000	64.000.000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>29.048.398.828</b>	<b>28.688.435.219</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>29.048.398.828</b>	<b>28.688.435.219</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		19.654.400.000	19.654.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.654.400.000	19.654.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.170.891.029	2.464.662.052
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.223.107.799	6.569.373.167
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.732.548.488	5.000.000.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.490.559.311	1.569.373.167
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>38.567.274.648</b>	<b>42.650.521.905</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Long

Lê Thị Phương Dung

Lê Hải Tú



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

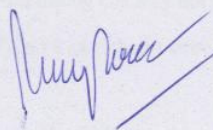
Năm 2015


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	89.662.441.433	99.659.487.987
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.662.441.433	99.659.487.987
11	4. Giá vốn hàng bán	19	79.991.149.617	96.657.656.799
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.671.291.816	3.001.831.188
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	115.226.469	20.982.523
22	7. Chi phí tài chính	21	25.061.501	218.645.578
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.061.501	217.574.578
24	8. Chi phí bán hàng	22	345.150.773	440.593.806
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.811.691.637	3.816.858.569
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.604.614.374	(1.453.284.242)
31	11. Thu nhập khác	24	7.422.626	3.593.071.642
32	12. Chi phí khác	25	96.461.053	20.960.795
40	13. Lợi nhuận khác		(89.038.427)	3.572.110.847
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.515.575.947	2.118.826.605
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.025.016.636	482.353.438
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	67.100.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.490.559.311</u>	<u>1.569.373.167</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.776	798

Người lập

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016  
Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Huy Long

  
Lê Thị Phương Dung

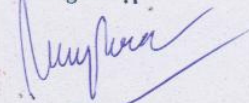
  
Lê Hải Tú

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.515.575.947	2.118.826.605
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.941.259.243	1.875.689.021
03	- Các khoản dự phòng		(89.713.282)	320.051.327
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(111.419)	(34.164)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(115.115.050)	(3.612.183.638)
06	- Chi phí lãi vay		25.061.501	217.574.578
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.276.956.940	919.923.729
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.097.297.464	(398.233.327)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.901.600.635)	6.638.707.436
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(9.448.120.972)	4.446.429.739
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		33.642.835	273.744.775
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.342.705)	(217.574.578)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.575.652.851)	(990.219.129)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		148.443.705	625.164.263
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(800.488.705)	(564.382.325)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.188.864.924)	10.733.560.583
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.689.482.445)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.527.845.889
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		124.341.439	11.721.970
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		124.341.439	2.850.085.414
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.657.162.979	5.167.960.170
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.000.000.000)	(9.790.694.670)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.286.522.371)	(1.459.306.639)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.370.640.608	(6.082.041.139)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.693.882.877)	7.501.604.858
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		8.282.932.080	781.293.058
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		111.419	34.164
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	2.589.160.622	8.282.932.080

Người lập



Nguyễn Huy Long

Kế toán trưởng



Lê Thị Phương Dung



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc

Lê Hải Tú

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy lưới Thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty thép Việt Nam theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 12 ngày 06 tháng 09 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 19.654.400.000 VND và được chia thành 1.965.400 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/Cổ phần.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh lưới thép.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất sắt thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: sản xuất kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt thép, kim loại màu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết mua bán vật liệu xây dựng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi nhánh Đồng Nai: Phân xưởng Nhơn Trạch	Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất lưới thép
- Chi nhánh Long An	Huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất lưới thép

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Khi xuất kho, giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: 'Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật-kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08	năm

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.17 . Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí đi vay vốn được ghi nhận vào chi phí tài chính theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Các khoản thuế**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	224.526.787	434.680.000
Tiền gửi ngân hàng	2.364.633.835	2.848.252.080
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	<u>2.589.160.622</u>	<u>8.282.932.080</u>

4 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Bình Long	174.244.426	174.244.426
- Công ty TNHH Kỹ Thuật Tiêu Diễm	165.321.250	19.576.095
- Công ty TNHH Trương Hoàng Phúc	339.487.230	365.204.554
- Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Miền Nam	207.201.120	-
- Công ty CP Công Nghiệp Vĩnh Tường	-	335.080.900
- Công ty TNHH Thép XD Toàn Tâm	-	364.317.920
- Công ty TNHH Tân Thành	-	330.034.100
- Các khoản phải thu khách hàng khác	714.855.297	1.771.584.908
	<u>1.601.109.323</u>	<u>3.360.042.903</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	<u>237.634.633</u>	<u>34.320.000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	9.226.389	-
- Phải thu tiền cho CBNV mượn	-	-	167.285.000	-
- Tạm ứng	432.875.000	-	7.119.042	-
- Phải thu khác	28.166.738	24.966.738	24.966.738	24.966.738
b) <b>Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	25.000.000	-
	<u>561.041.738</u>	<u>24.966.738</u>	<u>233.597.169</u>	<u>24.966.738</u>

6 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	377.980.458	-	479.959.064	12.265.324
- Cửa hàng VLXD Bình Long	174.244.426	-	174.244.426	-
- Công ty TNHH Nguyễn Phong	101.064.797	-	101.064.797	-
- Công ty CP XDVT Hiệp Hưng	48.238.415	-	49.438.415	12.265.324
- Công ty CP TM Khang Phú	-	-	85.743.900	-
- Các khoản khác	54.432.820	-	69.467.526	-
	<u>377.980.458</u>	<u>-</u>	<u>479.959.064</u>	<u>12.265.324</u>



7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.365.482.143	-	2.947.568.680	-
Công cụ, dụng cụ	3.562.733	-	2.619.419	-
Thành phẩm	6.164.393.926	-	5.681.650.068	-
	<b>12.533.438.802</b>	<b>-</b>	<b>8.631.838.167</b>	<b>-</b>

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	132.726.837	398.180.505
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	231.810.833	-
	<b>364.537.670</b>	<b>398.180.505</b>



H. H.

**Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	18.903.919.549	24.623.822.779	4.245.994.784	49.999.999	47.823.737.111					
- Mua trong năm										
Số dư cuối năm	18.903.919.549	24.623.822.779	4.245.994.784	49.999.999	47.823.737.111					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	6.471.270.534	17.730.206.929	1.602.551.042	-	25.804.028.505					
- Khấu hao trong năm	653.348.185	935.305.534	346.355.524	6.250.000	1.941.259.243					
Số dư cuối năm	7.124.618.719	18.665.512.463	1.948.906.566	6.250.000	27.745.287.748					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	12.432.649.015	6.893.615.850	2.643.443.742	49.999.999	22.019.708.606					
Tại ngày cuối năm	11.779.300.830	5.958.310.316	2.297.088.218	43.749.999	20.078.449.363					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.730.206.928 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.450.267.882 VND

11/11/15

**10 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	-	-	5.657.162.979	1.000.000.000	4.657.162.979	4.657.162.979
	-	-	<b>5.657.162.979</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>4.657.162.979</b>	<b>4.657.162.979</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/1219730 ngày 29/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 7.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất cho vay: theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp tài sản thiết bị mạ dây công suất 12.000 T/năm.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	747.195.497	747.195.497	5.178.708.373	5.178.708.373
- Công ty CP Kim Khi	-	-	4.539.167.484	4.539.167.484
- Công ty CP ĐT&PT Nhà & ĐT IDICO	220.168.314	220.168.314	52.535.208	52.535.208
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	389.983.833	389.983.833	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	137.043.350	137.043.350	587.005.681	587.005.681
	<b>747.195.497</b>	<b>747.195.497</b>	<b>5.178.708.373</b>	<b>5.178.708.373</b>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	389.983.833	389.983.833	4.996.071.184	4.996.071.184
	<b>389.983.833</b>	<b>389.983.833</b>	<b>4.996.071.184</b>	<b>4.996.071.184</b>

**Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-		250.598.483		2.022.555.629		2.207.369.681		-			65.784.431
Thuế thu nhập doanh nghiệp	110.057.272		-		1.025.016.636		1.575.652.851		660.693.487			-
Thuế thu nhập cá nhân	-		19.039.494		152.774.606		171.814.100		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		4.946.072.369		2.118.335.832		7.064.408.201		-			-
Các loại thuế khác	-		-		5.000.000		5.000.000		-			-
	<b>110.057.272</b>		<b>5.215.710.346</b>		<b>5.323.682.703</b>		<b>11.024.244.833</b>		<b>660.693.487</b>			<b>65.784.431</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.718.796	-
Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
	<u><b>60.718.796</b></u>	<u><b>55.000.000</b></u>

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.221.469.530	940.345.955
- Kinh phí công đoàn	4.277.951	29.196.851
- Bảo hiểm xã hội	112.494.145	108.657.348
- Bảo hiểm y tế	20.772.090	22.382.722
- Bảo hiểm thất nghiệp	9.196.740	9.947.880
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.100.000	52.100.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	892.491.087	623.941.458
- Phải trả tiền phụ cấp cho HĐTV	51.000.000	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	79.137.517	94.119.696
b) Dài hạn	64.000.000	64.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	64.000.000	64.000.000
	<u><b>1.285.469.530</b></u>	<u><b>1.004.345.955</b></u>

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	300.000.000	240.000.000
	<u><b>300.000.000</b></u>	<u><b>240.000.000</b></u>

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	19.654.400.000	19.654.400.000	5.000.000.000	2.464.662.052	2.051.296.814	29.170.358.866		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.569.373.167	1.569.373.167		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(280.672.814)	(280.672.814)		
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)		
Chi trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(1.670.624.000)	(1.670.624.000)		
Giảm khác	-	-	(5.000.000.000)	-	5.000.000.000	-		
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>-</b>	<b>2.464.662.052</b>	<b>6.569.373.167</b>	<b>28.688.435.219</b>		
Số dư đầu năm nay	19.654.400.000	19.654.400.000	-	2.464.662.052	6.569.373.167	28.688.435.219		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	3.490.559.311	3.490.559.311		
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	706.228.977	(706.228.977)	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(575.523.702)	(575.523.702)		
Chi trả cổ tức năm 2014 (*)	-	-	-	-	(2.555.072.000)	(2.555.072.000)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>-</b>	<b>3.170.891.029</b>	<b>6.223.107.799</b>	<b>29.048.398.828</b>		

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 48/VDT/ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 04 năm 2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	5.336.824.679
Trích Quỹ đầu tư phát triển	13,23	706.228.977
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,78	575.523.702
Chi trả cổ tức	47,88	2.555.072.000
Lợi nhuận chưa phân phối	28,11	1.500.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam	40,06	7.874.500.000	40,06	7.874.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59,94	11.779.900.000	59,94	11.779.900.000
	<u>100,00</u>	<u>19.654.400.000</u>	<u>100,00</u>	<u>19.654.400.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.654.400.000	19.654.400.000
- Vốn góp đầu năm	19.654.400.000	19.654.400.000
- Vốn góp cuối năm	19.654.400.000	19.654.400.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.965.440	1.965.440
- Cổ phiếu phổ thông	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.965.440	1.965.440
- Cổ phiếu phổ thông	1.965.440	1.965.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần.

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.170.891.029	2.464.662.052
	<u>3.170.891.029</u>	<u>2.464.662.052</u>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Đồng đô la Mỹ	98,91	109,82

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán thành phẩm	85.288.377.915	92.096.581.967
Doanh thu bán hàng hóa	54.634.938	2.935.715.201
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.722.359.800	3.967.822.181
Doanh thu gia công	32.472.000	82.795.638
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	564.596.780	576.573.000
	<u>89.662.441.433</u>	<u>99.659.487.987</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	1.958.708.880	1.631.912.327



**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	76.235.501.016	85.123.139.840
Giá vốn bán hàng hóa	41.103.490	2.806.636.202
Giá vốn cho thuê mặt bằng	3.212.385.479	8.081.805.453
Giá vốn gia công	11.526.652	69.502.304
Giá vốn bán phế phẩm, phế liệu	490.632.980	576.573.000
	<b>79.991.149.617</b>	<b>96.657.656.799</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	115.115.050	20.948.359
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	111.419	34.164
	<b>115.226.469</b>	<b>20.982.523</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.061.501	217.574.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	1.071.000
	<b>25.061.501</b>	<b>218.645.578</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.890.360	54.183.385
Chi phí khác bằng tiền	284.260.413	386.410.421
	<b>345.150.773</b>	<b>440.593.806</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	196.785.549	269.373.753
Chi phí nhân công	2.405.746.814	1.926.631.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.075.067	118.535.182
Thuế, phí, lệ phí	108.482.357	112.753.201
Chi phí, hoàn nhập chi phí dự phòng	(89.713.282)	287.538.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.706.737	320.051.327
Chi phí khác bằng tiền	1.715.608.395	781.974.187
	<b>4.811.691.637</b>	<b>3.816.858.569</b>

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	3.591.235.279
Thu nhập khác	7.422.626	1.836.363
	<b>7.422.626</b>	<b>3.593.071.642</b>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Phạt vi phạm hành chính	-	20.621.967
Chi phí nộp lại giá trị vật tư còn thiếu trong việc bàn giao mặt bằng cho UBND Quận Tân Phú	96.085.000	-
Chi phí khác	376.053	338.828
	<b>96.461.053</b>	<b>20.960.795</b>

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	(Điều chỉnh) VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.515.575.947	2.118.826.605
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	143.590.581	73.689.020
- Các khoản điều chỉnh tăng	443.702.000	440.621.697
- Các khoản điều chỉnh giảm	(300.111.419)	(366.932.677)
Thu nhập tính thuế TNDN	4.659.166.528	2.192.515.625
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.025.016.636</b>	<b>482.353.438</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(110.057.272)	397.808.419
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.575.652.851)	(990.219.129)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(660.693.487)</b>	<b>(110.057.272)</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.490.559.311	1.569.373.167
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.490.559.311	1.569.373.167
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.776</b>	<b>798</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.148.558.498	65.566.657.855
Chi phí nhân công	11.938.441.917	11.162.227.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.941.259.243	1.875.689.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.591.814.053	11.464.816.194
Chi phí khác bằng tiền	2.762.531.438	1.857.527.633
	<b>82.382.605.149</b>	<b>91.926.918.262</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.589.160.622	-	8.282.932.080	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.162.151.061	(377.980.458)	3.593.640.072	(467.693.740)
	<b>4.751.311.683</b>	<b>(377.980.458)</b>	<b>11.876.572.152</b>	<b>(467.693.740)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	4.657.162.979	-
Phải trả người bán, phải trả khác	2.032.665.027	6.183.054.328
Chi phí phải trả	60.718.796	55.000.000
	<b>6.750.546.802</b>	<b>6.238.054.328</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.589.160.622	-	-	2.589.160.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.784.170.603	-	-	1.784.170.603
	<u>4.373.331.225</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.373.331.225</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.282.932.080	-	-	8.282.932.080
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.125.946.332	-	-	3.125.946.332
	<u>11.408.878.412</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>11.408.878.412</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	4.657.162.979	-	-	4.657.162.979
Phải trả người bán, phải trả khác	1.968.665.027	64.000.000	-	2.032.665.027
Chi phí phải trả	60.718.796	-	-	60.718.796
	<u>6.686.546.802</u>	<u>64.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.750.546.802</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.119.054.328	64.000.000	-	6.183.054.328
Chi phí phải trả	55.000.000	-	-	55.000.000
	<u>6.174.054.328</u>	<u>64.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.238.054.328</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	5.657.162.979	5.167.960.170
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	1.000.000.000	9.790.694.670

**31 . THÔNG TIN KHÁC**

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT ngày 02 tháng 07 năm 2011 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 130/2014/PLHTĐT ngày 30 tháng 12 năm 2014 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng nhà Thảo Loan và Công ty CP Thương mại Dịch vụ Kinh doanh nhà Thảo Loan, các bên sẽ thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan để xây dựng dự án khu phức hợp Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư dự án là 200.000.000.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 07/10/2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5124/UBND-ĐTMT công nhận Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan làm chủ đầu tư Dự án Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan.

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/HĐLD-2009 ngày 24 tháng 09 năm 2009 giữa Công ty CP Lưới thép Bình Tây, Tổng Công ty Sông Hồng và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng, các bên sẽ thành lập Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây để xây dựng chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Theo đó, Công ty CP Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 25% trong tổng số vốn đầu tư của dự án là 40.000.000.000 VND bằng lợi thế sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ 165/5 Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2015, các bên đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để trình phê duyệt Dự án do vậy Công ty chưa bàn giao mặt bằng cho Công ty CP Sông Hồng - Bình Tây.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh thép	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	85.343.012.853	4.319.428.580	89.662.441.433
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>85.343.012.853</b>	<b>4.319.428.580</b>	<b>89.662.441.433</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	34.682.411.118	-	34.682.411.118
Tài sản không phân bổ	-	-	3.050.202.360
<b>Tổng tài sản</b>	<b>34.682.411.118</b>	<b>-</b>	<b>37.732.613.478</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	5.404.358.476	-	5.404.358.476
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	3.753.798.548
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>5.404.358.476</b>	<b>-</b>	<b>9.158.157.024</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên địa bàn khu vực miền Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	251.452.200	428.425.400
- Công ty CP Cơ khí Luyện kim	Công ty con của TCT	42.353.000	64.325.000
- Công ty CP Thép Thủ Đức	Công ty con của TCT	226.663.200	157.595.200
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	1.204.421.280	981.566.727
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	233.819.200	-

**NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ( tiếp theo)**

**Mua nguyên liệu, hàng hoá**

- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	99.875.300	62.817.100
- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	1.024.778.100	9.249.361.600
- Công ty CP Kim khí TP.HCM	Công ty con của TCT	20.955.676.822	24.995.708.566
- Tổng Công ty Thép Việt Nam (TCT)	Cổ đông lớn	48.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	463.621.666	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND

**Phải thu tiền hàng**

- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	-	34.320.000
- Công ty CP Thép Nhà Bè	Công ty con của TCT	30.433.513	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	207.201.120	-

**Phải trả tiền hàng**

- Công ty CP Thép Biên Hòa	Công ty con của TCT	-	456.903.700
- Công ty CP Kim khí TP.HCM	Công ty con của TCT	-	4.539.167.484
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty con của TCT	389.983.833	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	946.812.960	702.433.629



### 35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 căn cứ trên Biên bản truy thu tiền thuê đất của Cơ quan thuế địa phương về việc truy thu tiền thuê đất năm 2014 . Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo Biên bản truy thu tiền thuê đất VND	Chênh lệch VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.338.201.562	5.215.710.346	3.877.508.784
Vốn khác của chủ sở hữu	414	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	411	5.336.824.679	6.569.373.167	1.232.548.488
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Giá vốn hàng bán	11	91.827.590.758	96.657.656.799	4.830.066.041
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.715	798	(1.917)

**Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm này

**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số sau điều chỉnh		Chênh lệch
Mã số	Khoản mục	Mã số	Khoản mục	
<b>a/ Bảng cân đối kế toán</b>				
135	Các khoản phải thu khác	201.478.127	201.478.127	
158	Tài sản ngắn hạn khác	7.119.042	7.119.042	
268	Tài sản dài hạn khác	25.000.000	25.000.000	
338	Doanh thu chưa thực hiện	240.000.000	240.000.000	
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.654.400.000	19.654.400.000	
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.569.373.167	6.569.373.167	
31	Thu nhập khác	4.510.882.252	3.593.071.642	(917.810.610)
32	Chi phí khác	938.771.405	20.960.795	(917.810.610)
<b>b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.569.373.167	6.569.373.167	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	19.654.400.000	19.654.400.000	
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	5.000.000.000	5.000.000.000	
<b>b/ Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
31	Thu nhập khác	4.510.882.252	3.593.071.642	(917.810.610)
32	Chi phí khác	938.771.405	20.960.795	(917.810.610)

Người lập biểu

*Nguyễn Huy Long*  
Nguyễn Huy Long

Kế toán trưởng

*Lê Thị Phương Dung*  
Lê Thị Phương Dung

